

Số: 06/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 5 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn Điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2017;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2017, Báo cáo thẩm tra số 60/BC-HĐND ngày 08/5/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh quyết toán ngân sách địa phương năm 2017:

- Tăng số thu bổ sung ngân sách cấp trên: 168 triệu đồng.
- Giảm số thu vay ngân sách (vay lại Chính phủ): 74 triệu đồng.
- Tăng chi bổ sung ngân sách cấp dưới: 94 triệu đồng.
- Tăng chi đầu tư phát triển: 83 triệu đồng.
- Giảm số kết dư: 83 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 01)

2. Số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 sau khi điều chỉnh, cụ thể như sau:

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2017: 2.316.056 triệu đồng (Hai ngàn, ba trăm mười sáu tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng), trong đó:

- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: 2.255.090 triệu đồng.
- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 24.550 triệu đồng.
- Các khoản huy động đóng góp: 19.235 triệu đồng.
- Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng.

b) Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương (không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách) năm 2017: 6.020.987 triệu đồng (Sáu ngàn, không trăm hai mươi tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu đồng), trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 2.018.495 triệu đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2.796.196 triệu đồng;
- Thu từ kết dư năm trước: 407.017 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn năm trước: 743.603 triệu đồng;
- Thu viện trợ: 37.908 triệu đồng;
- Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng;
- Thu vay ngân sách nhà nước (vay từ nguồn chính phủ vay cho vay lại): 587 triệu đồng.

c) Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2017 (đã loại trừ phần chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách): 5.562.150 triệu đồng (Năm ngàn, năm trăm sáu mươi hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 3.927.169 triệu đồng.
- + Chi đầu tư phát triển: 1.046.120 triệu đồng;
- + Chi thường xuyên: 2.880.049 triệu đồng;
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.
- Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 99.508 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách: 17.181 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn sang 2018 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: 1.398.380 triệu đồng.

- Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 7.912 triệu đồng.

- Chi trả nợ gốc (Ngân hàng phát triển): 112.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 02)

d) Kết dư ngân sách địa phương: 458.837 triệu đồng. (Bốn trăm năm mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu đồng), trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh là 372.247 triệu đồng (Ba trăm bảy mươi hai tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng);

- Kết dư ngân sách cấp huyện là 62.653 triệu đồng (Sáu mươi hai tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu đồng);

- Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn 23.937 triệu đồng (Hai mươi ba tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Điều 3: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, HĐND, UBND;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trang tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**



PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 13/5/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng số	Tỉnh	Huyện	Xã
Chi tiết điều chỉnh				
I. Thu bổ sung ngân sách cấp trên				
1. Số đã quyết toán	4.673.698.176.726	2.796.121.639.089	1.624.165.673.449	253.410.864.188
2. Số đề nghị điều chỉnh	168.334.785	74.038.514		94.296.271
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	4.673.866.511.511	2.796.195.677.603	1.624.165.673.449	253.505.160.459
II. Thu vay ngân sách (vay lại chính phủ)				
1. Số đã quyết toán	661.146.625	661.146.625		
2. Số đề nghị điều chỉnh	-74.038.514	-74.038.514		
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	587.108.111	587.108.111		
III. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới				
1. Số đã quyết toán	1.877.576.537.637	1.624.165.673.449	253.410.864.188	
2. Số đề nghị điều chỉnh	94.296.271		94.296.271	
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	1.877.670.833.908	1.624.165.673.449	253.505.160.459	
IV. Chi đầu tư phát triển				
1. Số đã quyết toán	1.115.387.435.873	755.857.322.837	316.787.229.451	42.742.883.585
2. Số đề nghị điều chỉnh	83.439.095			83.439.095
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	1.115.470.874.968	755.857.322.837	316.787.229.451	42.826.322.680
Tổng điều chỉnh				
A. Tổng số thu ngân sách địa phương				
1. Số đã quyết toán	7.909.566.296.439	5.403.063.485.839	2.152.092.375.466	354.410.435.134
2. Số đề nghị điều chỉnh (I+II)	94.296.271			94.296.271
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	7.909.660.592.710	5.403.063.485.839	2.152.092.375.466	354.504.731.405
B. Tổng số chi ngân sách địa phương				
1. Số đã quyết toán	7.450.645.909.470	5.030.816.912.608	2.089.344.553.853	330.484.443.009
2. Số đề nghị điều chỉnh (III+IV)	177.735.366		94.296.271	83.439.095
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	7.450.823.644.836	5.030.816.912.608	2.089.438.850.124	330.567.882.104
C. Kết dư ngân sách năm quyết toán (A-B)				
1. Số đã quyết toán	458.920.386.969	372.246.573.231	62.747.821.613	23.925.992.125
2. Số đề nghị điều chỉnh	-83.439.095		-94.296.271	10.857.176
3. Số quyết toán sau khi điều chỉnh	458.836.947.874	372.246.573.231	62.653.525.342	23.936.849.301



Handwritten signature or mark.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

PHỤ LỤC 02

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 13/5/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

S T T	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh
				Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	4.058.912.000.000	6.020.987.116.415	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.110.000.000.000	2.018.495.100.079	
-	Thu NSDP hưởng 100%	614.650.000.000	890.215.752.321	145%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.495.350.000.000	1.128.279.347.758	75%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.928.912.000.000	2.796.195.677.603	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.458.285.000.000	1.458.285.000.000	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	470.627.000.000	1.337.910.677.603	284%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		-	
IV	Thu kết dư		407.016.950.078	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		743.602.532.076	
VI	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên			
VI	Thu viện trợ		37.908.374.776	
VII	Thu quản lý quan ngân sách	20.000.000.000	17.181.373.692	
VIII	Thu vay của ngân sách tỉnh (vay lại của Chính phủ)		587.108.111	
B	TỔNG CHI NSDP	3.770.902.001.000	5.562.150.168.541	
I	Tổng chi cân đối NSDP	3.625.223.001.000	3.927.169.426.711	108%
1	Chi đầu tư phát triển	738.418.000.000	1.046.120.825.411	142%
2	Chi thường xuyên	2.813.685.000.000	2.880.048.601.300	102%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000	100%
5	Dự phòng ngân sách	66.482.960.000		
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.637.041.000		
II	Chi các chương trình mục tiêu	125.679.000.000	99.507.812.196	79%

S T T	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh
				Tương đối (%)
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	106.053.000.000	99.507.812.196	94%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	19.626.000.000		
III	Chi quản lý qua ngân sách	20.000.000.000	17.181.373.692	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.398.379.814.540	
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
V	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		7.911.741.402	
VI	Chi trả nợ gốc		112.000.000.000	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		458.836.947.874	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP		112.000.000.000	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		112.000.000.000	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP		1.069.000.000	
I	Vay để bù đắp bội chi			
II	Vay để trả nợ gốc		1.069.000.000	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP		180.069.000.000	